

Số: **86/2022/QĐST-HNGĐ**

*Điện Biên Phủ, ngày 31 tháng 8 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**; địa chỉ: Xóm 4, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Bị đơn: Ông **Vũ C**; địa chỉ: Tổ dân phố 04, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Vũ C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Vũ C thuận tình ly hôn.

2.2. Về con: Giao con chung là Vũ Ngọc Linh S - sinh ngày 04/01/2017 cho ông Vũ C; giao con chung là Vũ Thùy D - sinh ngày 13/4/2015 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo

các Điều 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B chịu 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp; trả lại cho bà B 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001927 ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về Thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP ĐBP;
- Chi cục THSDS TPĐ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh T (nơi đăng ký kết hôn);
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Nhung**